

Bản án: 256/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 6 - 2024

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HOÀ, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.

2. Ông La Văn Việt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 879/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 224/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 145/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Bé T, sinh năm: 2002.

Địa chỉ: Ấp S, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Quốc T1, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà T xin vắng mặt; Ông T1 vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 15 tháng 7 năm 2024 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trương Thị Bé T trình bày: Bà Trương Thị Bé T và ông Lê Quốc T1 chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Long An ngày 21 tháng 12 năm 2021. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không phù hợp nên ly thân từ tháng 03 năm 2024 đến nay. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên xin ly hôn ông T1.

Về con chung: Bà T khai, bà T và ông T1 chung sống có 02 con chung tên Lê Thị Phương T2, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Lê Trung H, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2021. Khi ly hôn, bà T xin được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T khai, bà T và ông T1 chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai, bà T và ông T1 chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Quốc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông T1 không đến Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An làm việc hoặc phản hồi ý kiến của ông T1 về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn ông Lê Quốc T1 có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà Trương Thị Bé T xin vắng mặt và bị đơn ông Lê Quốc T1 vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông T1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Bé T và ông Lê Quốc T1 chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Long An ngày 21 tháng 12 năm 2021 nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông T1 được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà T và ông T1 chung sống hạnh phúc được thời gian đầu đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không phù hợp nên ly thân từ tháng 03 năm 2024 đến nay. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên xin ly hôn ông T1. Ngược lại, ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án để tham gia hòa giải đoàn tụ cũng như không tham dự phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1 là phù hợp theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T khai, bà T và ông T1 chung sống có 02 con chung tên Lê Thị Phương T2, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Lê Trung H, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2021. Khi ly hôn, bà T xin được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Ngược lại, ông T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T khai, bà T và ông T1 chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngược lại, ông T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Bà T khai, bà T và ông T1 chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngược lại, ông T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Buộc bà Trương Thị Bé T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Bé T xin ly hôn với ông Lê Quốc T1.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Bé T được ly hôn với ông Lê Quốc T1.

Về con chung: Bà Trương Thị Bé T được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên Lê Thị Phương T2, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Lê Trung H, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2021 hiện bà T đang nuôi. Ông Lê Quốc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà T không yêu cầu.

Ông Lê Quốc T1 có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom các cháu T2 và H mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T1 lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T1 theo quy định của pháp luật. Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của ông T1.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì ông T1, bà T, người thân thích của các cháu T2 và H, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà T khai, bà T và ông T1 chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

Về nợ chung: Bà T khai, bà T và ông T1 chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

Về án phí: Buộc bà Trương Thị Bé T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai số 5142 ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, bà T và ông T1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện.
- TAND tỉnh Long An.
- UBND xã An Ninh Tây, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Hiệp